SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÚ YÊN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGUYỆN VỌNG 2 VÀO LỚP 10 THPT - BỔ SUNG

NĂM HỌC 2024-2025

STT	SBD	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	UT,KK	ĐIỂM MÔN THI				GHI CHÚ
									TOÁN	NGỮ VĂN	TIẾNG ANH	TỔNG ĐIỂM	
1	010175	MAI NGỌC LIÊN	HƯƠNG	Nữ	25/08/2009	Phú Yên	THCS Hùng Vương		7.00	5.75	4.50	30.00	9904
2	010311	NGUYỄN VI THẢO	NGUYÊN	Nữ	23/08/2009	Phú Yên	THCS Hùng Vương		**5.00**	**7.00**	**6.00**	30.00	9904
3	450333	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	Nữ	11/08/2009	Phú Yên	THCS Trần Quốc Toản		5.50	**5.75**	7.50	30.00	9904
4	010305	ĐẶNG LÂM KHÁNH	NGỌC	Nữ	08/08/2009	Phú Yên	THCS Trần Quốc Toản		7.50	5.00	5.00	30.00	9904
5	010047	LÊ VĂN	BẢO	Nam	18/03/2009	Phú Yên	THCS Trần Phú		5.25	6.00	7.50	30.00	9904
6	010177	NGUYỄN LÊ QUANG	HUY	Nam	15/06/2009	Phú Yên	THCS Hùng Vương		7.25	5.50	4.25	29.75	9904
7	450535	HỒ LÊ HOÀNG	LONG	Nam	14/03/2009	Phú Yên	THCS Trần Hưng Đạo		7.00	6.25	3.25	29.75	9904
8	010205	MAI PHƯƠNG	KHANH	Nữ	24/12/2009	Phú Yên	THCS Lý Tự Trọng		**6.50**	**4.50**	7.75	29.75	9904
9	010241	LÊ HỒNG	LĨNH	Nam	18/05/2009	Phú Yên	THCS Trần Quốc Toản		7.75	5.00	4.25	29.75	9904
10	010404	ĐỖ LÊ PHÚ	SỸ	Nam	05/12/2009	Phú Yên	THCS Trần Quốc Toản		7.00	3.75	8.25	29.75	9904
11	010547	NGUYỄN BÙI LÊ	VY	Nữ	23/05/2009	Phú Yên	THCS Đinh Tiên Hoàng		5.75	6.00	6.25	29.75	9904
12	010134	LÊ NHẬT	HÀO	Nam	04/07/2009	Phú Yên	THCS Lương Văn Chánh		6.25	5.25	6.50	29.50	9904
13	010332	TRẦN NGỌC THIÊN	NHI	Nữ	29/11/2009	Phú Yên	THCS Hùng Vương	1	6.00	5.75	5.00	29.50	9904
14	450893	HUỲNH KIM	KHÁNH	Nữ	16/05/2009	Phú Yên	THCS Hùng Vương		4.00	7.50	6.50	29.50	9904
15	450650	NGUYỄN ĐOÀN NHƯ	NGỌC	Nữ	11/04/2009	Phú Yên	THCS Hòa An		5.00	7.75	4.00	29.50	9904
16	010027	NGUYỄN BẢO	ANH	Nữ	16/02/2009	TP HCM	THCS Trần Quốc Toản		6.25	**6.75**	3.50	29.50	9904
17	450622	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	Nữ	04/08/2009	Phú Yên	THCS Trần Quốc Toản		5.75	6.00	6.00	29.50	9904
18	010510	LÊ HOÀNG	TUY	Nam	02/12/2008	Phú Yên	THCS Trần Quốc Toản		5.25	6.00	7.00	29.50	9904
19	010323	PHẠM TRÍ	NGUYÊN	Nam	29/01/2009	Phú Yên	THCS Đinh Tiên Hoàng		6.25	5.50	6.00	29.50	9904
20	450201	NGUYỄN VÂN HUYỀN	BĂNG	Nữ	30/12/2009	Phú Yên	THCS Trần Phú		5.25	5.50	8.00	29.50	9904
21	010133	NGUYỄN LÊ HỒNG	HẠNH	Nữ	22/03/2009	Phú Yên	THCS Hùng Vương		6.25	4.50	7.75	29.25	9904
22	010113	HUỲNH KHÁNH NGỌC	HÀ	Nữ	15/12/2009	Phú Yên	TH&THCS Nguyễn Du		5.50	5.25	7.75	29.25	9904
23	010315	TRẦN TRỌNG NHẬT	NGUYÊN	Nam	22/12/2009	Phú Yên	THCS Lương Thế Vinh		8.50	3.25	5.75	29.25	9904

STT	SBD	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	UT,KK	ĐIỂM MÔN THI				GHI CHÚ
									TOÁN	NGỮ VĂN	TIẾNG ANH	TỔNG ĐIỂM	
24	010039	NGUYỄN GIA	BẢO	Nam	04/07/2009	Phú Yên	THCS Nguyễn Văn Trỗi		5.50	6.00	6.25	29.25	9904
25	010088	NGUYỄN TRỌNG	ĐẠI	Nam	24/02/2009	Phú Yên	THCS Lý Tự Trọng		5.50	6.50	5.25	29.25	9904

Danh sách này gồm có 25 thí sinh./.

Tuy Hòa, ngày 22 tháng 7 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH PHÚ YÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN TRÃI

LÊ XUÂN QUANG

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Trần Thế Vấn

Phú Yên, ngày 22 tháng 7 năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÚ YÊN

DUYỆT

(Ký, đóng dấu)

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH PHÚ YÊN

TRẦN KHẮC LỄ